TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2024/KDTM-PT
Ngày: 26/12/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán **:** **Bà Dương Tuyết Mai**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý x60/2024/ KDTM-TLPT ngày 15/11/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm x3/2024/KDTM-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 804/2024/QĐXX-PT ngày 05/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Mỹ thuật xây dựng KB

- *Trụ sở*: thôn Đức Lân, xã YP, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện theo pháp luật*: Ông Tô Văn S - Giám đốc.

- *Đại diện theo ủy quyền*: Công ty luật TNHH Major Consultants *(Theo giấy ủy quyền số 099/2022/GUQ ngày 09/9/2022*).

- *Địa chỉ*: 1812m tháp B tòa nhà HH, khu NOXH cán bộ chiến sĩ Bộ công an, TDP Đống 1, phường Cổ Nhuế 2, quận BTL, Hà Nội.

- *Đại diện theo pháp luật*: Luật sư Phạm Hồng Sơn

- *Đại diện theo ủy quyền của Công ty luật TNHH Major Consultants*:

Bà Bùi Thu Hằng - Nhân viên Công ty (*Quyết định số 40/QĐGĐ-MC ngày 6/6/2024*).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 04, Tòa Ruby – The Matrix One, số 01 đường Lê Quang Đạo, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng x.

Trụ sở: Tầng 3, tòa N03-T8, khu ngoại giao đoàn, phường XT, quận BTL, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trọng T - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C (*Theo Giấy ủy quyền số 425/UQ-CT ngày 25/12/2024*)**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty xây dựng x có nhu cầu mua phào chỉ GFRC để thực hiện dự án Danko Thái Nguyên. Do đó, Công ty KB và Công ty Xây dựng x đã ký kết Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng sau :

- **Hợp đồng mua bán số 1803/2022/HĐMB ngày 18/3/2022** về việc cung cấp phào chỉ GFRC (Sau đây gọi là Hợp đồng số 1803). Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là **670.526.815 đồng** (đã bao gồm VAT 10%). Hai bên thỏa thuận thống nhất phương thức và điều kiện thanh toán như sau:

a). *Hình thức thanh toán*: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

b). *Phương thức tạm ứng, thanh toán*: Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Xây dựng x tạm ứng cho Công ty KB 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền là 134.105.362 đồng kèm theo Giấy đề nghị thanh toán của Công ty KB. Số tiền tạm ứng này sẽ được khấu trừ vào đợt thanh toán của đơn hàng cuối cùng.

c). *Thanh toán khối lượng hoàn thành*:

Sau khi Công ty KB giao hàng mỗi chuyến, căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa được ký xác nhận giữa hai bên thì Công ty Xây dựng x sau 5 đến 10 ngày phải thanh toán 100% giá trị của đơn hàng đã giao cho Công ty KB sau khi Công ty Xây dựng x nhận được hồ sơ thanh toán như sau: *Biên bản giao hàng; Bảng thống kê khối lượng, giá trị hàng hóa đã giao*.

Nếu trong trường hợp Công ty KB chưa nhận được tiền thanh toán của chuyến hàng đã giao thì Công ty KB có quyền không giao chuyến hàng tiếp theo và dừng sản xuất. Thời gian dừng sản xuất sẽ được cộng thêm vào tiến độ giao hàng hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Công ty Xây dựng x có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận cho Công ty KB. Nếu có yêu cầu giải trình, bổ sung chứng từ, Công ty Xây dựng x có trách nhiệm thông báo cho Công ty KB bằng văn bản nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa chữa sai sót/giải trình bổ sung chứng từ và Công ty KB có trách nhiệm phải đáp ứng trong thời hạn do Công ty Xây dựng x ấn định.

Các khối lượng phát sinh trong từng giai đoạn (nếu có) sẽ được tạm ứng/thanh toán theo các quy định nêu trên.

d). *Quyết toán, thanh lý Hợp đồng*: Trong vòng 10 ngày sau khi Công ty KB hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp đồng; Hồ sơ quyết toán bao gồm các tài liệu sau: Giấy đề nghị thanh toán, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận hàng hóa, hóa đơn VAT hợp lệ, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản xác nhận giá trị phát sinh (nếu có) và các chứng từ khác (nếu có)

Thanh toán: trong vòng 05-10 ngày kể từ ngày Công ty KB bàn giao hồ sơ đề nghị quyết toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định. Công ty Xây dựng x sẽ thanh toán cho Công ty KB đến 100% giá trị quyết toàn và đối trừ các khoản đã thanh toán và các khoản khấu trừ khác (nếu có).

Sau khi ký Hợp đồng và phụ lục nêu trên, Công ty KB đã tiến hành cung cấp vật tư và thi công tại công trường theo Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 30/3/2022 và Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 02/4/2022 giữa Công ty KB và Công ty Xây dựng x. Căn cứ vào đó, Công ty KB đã tổng hợp khối lượng giao hàng đợt 1 với tổng giá trị phải thanh toán là **155.826.990 đồng**.

Như vậy, theo Hợp đồng đã ký kết, chậm nhất là ngày 12/4/2022, Công ty Xây dựng x phải thanh toán toàn bộ số tiền phát sinh từ 02 đợt giao nhận hàng hóa đã được đại diện hai bên ký xác nhận.

Tại Điều 6 Hợp đồng có quy định: *".... Nếu trong trường hợp Công ty KB chưa nhận được tiền thanh toán của chuyến hàng đã giao, thì Công ty KB có quyền không giao chuyển hàng tiếp theo và dừng sản xuất. Thời gian dừng sản hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sẽ được công thêm vào tiến độ giao hàng Thời gian dừng sản xuất sẽ được cộng thêm vào tiến độ giao hàng hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng".*

Do Công ty Xây dựng x không thực hiện nghĩa vụ tạm ứng theo Hợp đồng đã thỏa thuận nên sau khi tiến hành cung cấp vật tư và giao hàng 02 lần, Công ty KB đã dừng thực hiện công việc để yêu cầu Công ty Xây dựng x thanh toán.

Kể từ thời điểm đó tới nay, Công ty Xây dựng x không thanh toán cho Công ty KB và hai bên cũng không thống nhất được quan điểm, cách thức hợp tác. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty KB không cung cấp thêm hàng hóa cho Công ty

Xây dựng x nên Công ty Xây dựng x phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng là **155.826.990 đồng** cho Công ty KB.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty KB yêu cầu Tòa án buộc Công ty Xây dựng x phải thanh toán cho Công ty KB các khoản tiền sau đây:

Tiền phát sinh theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đã ký kết còn phải thanh toán là **155.826.990 đồng**; tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 13/4/2022 đến ngày 01/6/2023 là 155.826.990 đồng x (10%/365) x 414 ngày = 17.674.623 đồng.

Tổng số tiền là: **173.501.613 đồng** và được tiếp tục tính lãi cho đến khi vụ án có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng x:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không cung cấp lời khai, ý kiến hay các tài liệu, chứng cứ liên quan để giải quyết vụ việc.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Công ty KB trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Xác định đã giao hàng cho Công ty Xây dựng x do ông Đỗ Tiến Huy, nhân viên Công ty Xây dựng x nhận như biên bản giao nhận hàng hóa đã nộp cho Tòa án. Công ty Xây dựng x chưa tạm ứng hay thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty KB.

Công ty KB đề nghị Tòa án buộc Công ty Xây dựng x phải trả cho Công ty KB số tiền hàng là 155.826.990 đồng, tiền lãi tính từ ngày 13/4/2022 đến ngày xét xử là 26.465.536 đồng (*Mức lãi suất 7.3% trên lãi suất trung bình của 03 ngân hàng Techcombank, Sacombank và SHB tại thời điểm xét xử*).

Công ty KB không lắp đặt hàng hóa vì Công ty KB chỉ có nghĩa vụ giao hàng, cung cấp hàng hóa, không có nghĩa vụ lắp đặt hàng hóa cho Công ty Xây dựng x, thỏa thuận tại hợp đồng không bao gồm lắp đặt hàng. Hai bên thỏa thuận việc giao nhận hàng qua điện thoại. Đến nay, thời gian đã lâu nên Công ty KB không nhớ là đã thỏa thuận với ai và thời gian thỏa thuận khi nào về việc giao hàng hóa cho Công ty Xây dựng x.

- Công ty Xây dựng x trình bày:

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty Xây dựng x không đồng ý thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho Công ty KB do Hợp đồng số 1803 chưa được thực hiện. Công ty Xây dựng x sau khi ký hợp đồng, chưa có nhu cầu lắp đặt các loại hàng hóa như hai bên đã kí kết nên chưa tạm ứng tiền hàng cho Công ty KB, chưa yêu cầu Công ty KB sản xuất hàng. Công ty KB tự mang hàng đến gửi tại công trình nơi Công ty Xây dựng x đang chuẩn bị thi công. Anh Huy

là cán bộ kĩ thuật của Công ty đang ở đó nên nhận hàng – đây chỉ là việc phía Công ty KB gửi nhờ hàng hóa cho anh Huy. Sau đó Công ty Xây dựng x dừng thực hiện việc hợp tác với Chủ đầu tư nên đã rút khỏi dự án. Công ty KB là đối tác do chủ đầu tư khu đô thị Danko giới thiệu và thực hiện cung cấp hàng hóa cho một số nhà thầu thi công tại khu đô thị Danko nên biết rõ về số hàng hóa gửi tại công trình này. Anh Huy không phải là người được Công ty Xây dựng x giao trách nhiệm nhận hàng hóa từ các nhà cung cấp mà là Chỉ huy trưởng công trình.

Theo Phụ lục hợp đồng A đã kí kết, phần việc của Công ty KB phải thực hiện bao gồm cung cấp và lắp đặt các hàng hóa trên, phụ lục là phần không tách rời của hợp đồng. Công ty Xây dựng x chưa kiểm tra, xác nhận khối lượng hàng hóa cung cấp và lắp đặt với Công ty KB, do đó chưa phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán từ phía Công ty Xây dựng x với Công ty KB.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm x3/2024/KDTM-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, Hà Nội quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty KB đối với Công ty Xây dựng x.

Với nhận định: Công ty KB đưa hàng đến công trình giao cho ông Đỗ Thế Huy, cán bộ Công ty Xây dựng x nhận nhưng chưa thực hiện việc lắp đặt hàng hóa theo thỏa thuận, chưa hoàn thành nội dung công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 1803 và Phụ lục A của hợp đồng. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng, hai bên không có biên bản làm việc nào khác với nhau để xác nhận nội dung công việc đã thực hiện nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi xét xử sơ thẩm

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 16/8/2024, Công ty KB có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, với lý do:

Bản án sơ thẩm không khách quan, chưa đánh giá đúng bản chất sự việc. Kết luận trong bản án chưa đúng và chưa phù hợp với các hồ sơ/tài liệu/chứng cứ có trong vụ án, có thiếu sót trong áp dụng pháp luật; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty KB.

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

5. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

5.1 Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty KB trình bày:

Công ty KB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Sau khi ký Hợp đồng Hợp đồng số 1803 và phụ lục, Công ty KB đã tiến hành cung cấp vật tư và thi công tại công trường theo Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 30/3/2022 và 02/4/2022 giữa Công ty KB và Công ty Xây dựng x. Ông Đỗ Tiến Huy là nhân viên Công ty Xây dựng x đã nhận và ký xác nhận. Căn cứ vào 02 biên bản trên, Công ty KB đã tổng hợp khối lượng giao hàng với tổng giá trị phải thanh toán là 155.826.990 đồng. Công ty KB đề nghị Tòa án buộc Công ty Xây dựng x phải trả cho Công ty KB số tiền hàng là 155.826.990 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật.

Theo hợp đồng ký kết, Công ty KB không lắp đặt hàng hóa mà chỉ có nghĩa vụ giao hàng, cung cấp hàng hóa. Hai bên thỏa thuận việc đặt hàng và giao nhận hàng qua điện thoại. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên Công ty không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh.

5.2 Công ty Xây dựng x trình bày:

Để cung cấp, lắp đặt phào chỉ cho công trình tại Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, ngày 18/3/2022, Công ty Xây dưng x và Công ty KB đã ký kết Hợp đồng mua bán số 1803/2022/HĐMB và Phụ lục A – Bảng kê Chi tiết giá trị hạng mục phào GFRC có tổng giá trị là 670.526.815 đồng. Công ty KB là đối tác do chủ đầu tư khu đô thị Danko giới thiệu.

Do công trình mới trong giai đoạn thi công, chưa đến hạng mục lắp đặt phào chỉ nên Công ty Xây dựng x chưa yêu cầu Công ty KB sản xuất, chuyển hàng hay lắp đặt hàng hóa và chưa tạm ứng tiền cho Công ty KB.

Theo thỏa thuận tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng 1803 thì Công ty KB sẽ tiến hành sản xuất hàng hóa trong vòng 30 ngày sau khi nhận được tiền tạm ứng theo thỏa thuận 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền là 134.105.362 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế Công ty Xây dựng x chưa thực hiện việc tạm ứng và yêu cầu Công ty KB sản xuất. Công ty KB cho rằng đã trao đổi và đặt hàng qua điện thoại nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và xác định cụ thể là trao đổi với ai. Do đó, không có cơ sở xác định Công ty KB sản suất và giao số hàng nêu trên theo yêu cầu của Công ty Xây dựng x

Mặt khác, theo Phụ lục A của hợp đồng thì nội dung phần việc của Công ty KB bao gồm cung cấp và lắp đặt hàng hóa trên. Phụ lục A là phần không tách rời của hợp đồng. Công ty KB tự mang hàng hóa đến công trình và chưa thực hiện

việc lắp đặt hàng hóa nên chưa hoàn thành nội dung công việc theo thỏa thuận. Anh Đỗ Tiến Huy không phải là người được Công ty Xây dựng x giao trách nhiệm nhận hàng hóa từ các nhà cung cấp mà là Chỉ huy trưởng công trình.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu thanh toán của Công ty KB. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***6.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền. Hợp đồng đã được các bên tự nguyện thực hiện và thanh toán hợp đồng nên được xác định là hợp pháp.

Theo Hợp đồng số 1803 và Phụ lục A của hợp đồng thì các nội dung công việc các bên thỏa thuận bao gồm "*cung cấp, lắp đặt*". Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự thể hiện Công ty KB mới đưa hàng đến công trình và chưa thực hiện việc lắp đặt hàng hóa. Do đó, có cơ sở xác định Công ty KB chưa hoàn thành nội dung công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 1803 và Phụ lục A của hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, căn cứ khoản 01 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Ngày 19/8/2024, Toà án nhân dân quận BTL nhận được đơn kháng cáo của Nguyên đơn - Công ty KB đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm x3/2024/KDTM-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL. Đơn kháng cáo do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ký. Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Ngày 18/3/2022, Công ty Xây dưng x và Công ty KB đã ký kết Hợp đồng mua bán số 1803/2022/HĐMB về việc cung cấp phào chỉ GFRC để phục phụ thi công công trình tại Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên. Kèm theo Hợp đồng là Phụ lụ A – Bảng kê Chi tiết giá trị hạng mục phào GFRC có tổng giá trị là 670.526.815 đồng.

Sau khi ký Hợp đồng và phụ lục nêu trên, Công ty KB đã tiến hành cung cấp phào chỉ GFRC tại công trường cho Công ty Xây dựng x theo Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 30/3/2022 và Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 02/4/2022. Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của nhân viên của 02 Công ty. Căn cứ vào đó, Công ty KB đã tổng hợp khối lượng 02 đợt giao hàng, với tổng giá trị là **155.826.990 đồng** và yêu cầu Công ty Xây dựng x phải thanh toán.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ký kết Hợp đồng mua bán số 1803 và phụ lục hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật. Các bên trong quan hệ tranh chấp đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận, không bên nào có ý kiến thắc mắc về thẩm quyền ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng nên có hiệu lực pháp lý. Các đương sự không kháng cáo về nội dung này nên có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay, các bên tranh chấp chủ yếu về việc nghĩa vụ thanh toán liên quan đến việc Công ty KB đã cung cấp hàng hóa cho Công ty Xây dựng x theo Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 30/3/2022 và Biên bản giao nhận hàng hóa ngày

02/4/2022. Cụ thể:

- *Theo trình bày của Công ty KB*: Sau khi kí hợp đồng, ngày 30/3 và 02/4/2022, Công ty KB đã giao cho Công ty Xây dựng x hàng hóa bao gồm các loại phào theo biên bản giao nhận cùng ngày với người nhận là ông Đỗ Thế Huy – Phó Chỉ huy Trưởng công trình của Công ty Xây dựng x. Theo Hợp đồng số 1803 thì Công ty KB chỉ có nghĩa vụ giao hàng, cung cấp hàng hóa, không có nghĩa vụ lắp đặt hàng hóa cho Công ty Xây dựng x. Đến thời điểm hiện nay, Công ty Xây dựng x chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty KB.

- *Theo trình bày của Công ty Xây dựng x*: Công ty Xây dựng x chưa thực hiện thỏa thuận nào trong Hợp đồng số 1803, từ việc tạm ứng cho Công ty KB 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền là 134.105.362 đồng đến việc yêu cầu Công ty KB chuyển hàng hóa, kiểm tra, xác nhận khối lượng hàng hóa được giao. Do chưa có nhu cầu lắp đặt hàng hóa như hai bên đã kí kết nên Công ty Xây dựng x chưa tạm ứng tiền cho Công ty KB và chưa yêu cầu Công ty KB chuyển hàng hay lắp đặt hàng hóa. Mặt khác, theo Phụ lục A của hợp đồng thì nội dung phần việc của Công ty KB bao gồm cung cấp và lắp đặt hàng hóa trên. Công ty KB tự mang hàng hóa đến công trình và chưa thực hiện việc lắp đặt hàng hóa nên chưa hoàn thành nội dung công việc theo thỏa thuận.

Xét thấy:

Tại Điều 2 của Hợp đồng số 1803 các bên có thỏa thuận:

2.1 Khối lượng:

- Bên B cung cấp phào chỉ, vật tư theo yêu cầu đơn đặt hàng của Bên A.

- Phụ Lục A (dự toán khối lượng, đơn giá) được coi là 01 đơn đặt hàng tổng.

- Khối lượng trong Phụ lục A là khối lượng tạm tính (trên cơ sở Bản vẽ được Chủ đầu tư phê duyệt), khối lượng thanh toán là khối lượng được Chủ đầu tư nghiệm thu cho Bên A".

Như vậy, theo mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng 1803 thì Phụ lục A (Bảng kê chi tiết giá trị hạng mục Phào GFRC) là một phần không tác rời của Hợp đồng, được coi là đơn đặt hàng tổng và khối lượng trong phụ lục A là khối lượng tạm tính (Trên cơ sở bản vẽ được chủ đầu tư phê duyệt). Theo Phụ lục A, bảng kê chi tiết giá trị hạng mục Phào GFRC có nội dung công việc là: Phào trang trí bê tông cốt sợi thủy tinh GFRC trị giá 670.526.815 đồng, trong đó tất cả các nội dụng công việc đều bao gồm "*cung cấp, lắp đặt*". Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự thể hiện Công ty KB mới đưa hàng đến công trình giao cho ông Đỗ Thế Huy, cán bộ Công ty Xây dựng x nhận và chưa thực hiện việc lắp đặt hàng hóa theo thỏa thuận.

Theo trình bày của Công ty KB thì Công ty sản suất và giao số hàng nêu trên theo yêu cầu của Công ty Xây dựng x. Việc đặt hàng được thực hiện qua điện thoại, trao đổi với nhau nhưng Công ty KB không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Và theo thỏa thuận tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng 1803 thì Công ty KB sẽ tiến hành sản xuất hàng hóa trong vòng 30 ngày sau khi nhận được tiền tạm ứng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, trên thực tế chưa có việc Công ty Xây dựng x thực hiện việc tạm ứng và thanh toán cho Công ty KB. Do đó, không có cơ sở xác định Công ty KB sản suất và giao số hàng nêu trên theo yêu cầu của Công ty Xây dựng x.

Cũng theo thỏa thuận tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng 1803 thì "*khối lượng thanh toán là khối lượng được Chủ đầu tư nghiệm thu cho Bên A*". Phiếu giao nhận hàng hóa chỉ là một trong các căn cứ cho các đợt thanh toán. Khối lượng thanh toán phải trên cơ sở khối lượng được Chủ đầu tư nghiệm thu cho Công ty Xây dựng x. Tuy nhiên, thực tế do không thực hiện việc thi công lắp đặt nên không có việc nghiệm thu của Chủ đầu tư. Hiện nay ngoài 02 Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 30/3 và 02/4/2022 thì hai bên không có biên bản làm việc nào khác với nhau để xác nhận nội dung công việc đã thực hiện. Do đó không có cơ sở xác định khối lượng công việc hoàn thành Công ty Xây dựng x phải thanh toán cho Công ty KB.

Do đó, có cơ sở xác định Công ty KB chưa hoàn thành nội dung công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 1803 và Phụ lục A của hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của Công ty KB và quyết định giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty KB phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 275, 398, 403, 434 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 3 Điều 284, Điều 299, Điều 300, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 138, 139, 144, 146, 147 Luật xây dựng năm 2014.

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Mỹ thuật xây dựng KB. Xử:

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm x3/2024/KDTM-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm:

Công ty TNHH Mỹ thuật xây dựng KB phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) (*đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0021904 ngày 17/9/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận BTL, thành phố Hà Nội*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. BTL;
- Chi cục THADS Q. BTL;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng